

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | 13 - 29 |
| 8. Phụ lục | 30 - 34 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tài Hà Tiên được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tài của Công ty Xi măng Hà Tiên 1 thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047 ngày 24 tháng 4 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Căn cứ vào Quyết định số 41/UBCK-GPNY ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Vận tài Hà Tiên và căn cứ vào Thông báo số 791/TTGDHCM-NY ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh) về việc tổ chức niêm yết và giao dịch, Công ty Cổ phần Vận tài Hà Tiên chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 07 tháng 12 năm 2005 với số lượng cổ phiếu niêm yết là 4.800.000 cổ phiếu.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Quyết định số 04/QĐ-SGDHCM ngày 07 tháng 01 năm 2008 chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung 5.280.000 cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, nâng tổng số cổ phiếu niêm yết của Công ty trên sàn giao dịch tăng lên, cụ thể:

| | |
|---------------------------------------|----------------------|
| - Loại chứng khoán: | Cổ phiếu phổ thông |
| - Mã chứng khoán: | HTV |
| - Mệnh giá: | 10.000 VND. |
| - Số lượng: | 10.080.000 cổ phiếu. |
| - Tổng mệnh giá chứng khoán niêm yết: | 100.800.000.000 VND. |

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 100.800.000.000 VND

Trong đó:

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------|-----------|
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | 50.479.700.000 | 50,08 |
| Các cổ đông khác | 50.320.300.000 | 49,92 |
| Cộng | 100.800.000.000 | 100,00 |

Trụ sở hoạt động

| | |
|------------|---|
| Địa chỉ | : Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại | : (084-8) 37 311 506 – 37 311 507 – 37 311 508 |
| Fax | : (084-8) 38 966 169 |
| Mã số thuế | : 0301975289 |

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước; Kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã tiến hành việc giải thể đội vận tải bộ do hoạt động không hiệu quả theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị tại phiên họp thứ 28 ngày 12 tháng 12 năm 2011. Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ các tài sản liên quan đến hoạt động vận tải bộ

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 34).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên lần thứ XIII ngày 20 tháng 4 năm 2012 như sau:

| | |
|--------------------------|-------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 8.314.000.000 VND |
| - Quỹ dự phòng tài chính | 1.155.642.223 VND |
| - Quỹ phúc lợi | 1.188.202.233 VND |
| - Quỹ khen thưởng | 2.375.000.000 VND |
| - Chi trả cổ tức | 9.617.790.000 VND |

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|----------|----------------------|---------------------|
| Ông Trần Việt Thắng | Chủ tịch | 08 tháng 10 năm 2010 | - |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh | Ủy viên | 08 tháng 10 năm 2010 | - |
| Ông Nguyễn Minh Ngọc | Ủy viên | 09 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Phạm Văn Thông | Ủy viên | 19 tháng 5 năm 2011 | - |
| Ông Đỗ Văn Huân | Ủy viên | 20 tháng 4 năm 2012 | - |
| Ông Nguyễn Đình Lịch | Ủy viên | 09 tháng 4 năm 2007 | 20 tháng 4 năm 2012 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Bà Nguyễn Thị Kim Dung | Trưởng ban | 09 tháng 4 năm 2007 | - |
| Bà Nguyễn Thị Huệ | Thành viên | 09 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Phạm Thế Nghĩa | Thành viên | 19 tháng 5 năm 2011 | - |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|--------------|---------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Tuấn Anh | Giám đốc | 01 tháng 6 năm 2007 | - |
| Ông Trương Công Báo | Phó Giám đốc | 07 tháng 4 năm 2000 | - |
| Ông Đặng Thành Kết | Phó Giám đốc | 01 tháng 9 năm 2008 | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tài Hà Tiên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0157/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C**

(Handwritten signature)

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

(Handwritten signature)

Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0092/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 186.232.077.473 | 196.285.163.714 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 8.439.605.234 | 10.793.438.792 |
| 1. Tiền | 111 | | 439.605.234 | 5.649.547.292 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 8.000.000.000 | 5.143.891.500 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 16.128.282.300 | 71.330.282.300 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 16.128.646.764 | 71.330.646.764 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | V.3 | (364.464) | (364.464) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 111.147.618.256 | 63.033.201.286 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.4 | 109.346.919.859 | 61.622.529.862 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 5.000.000 | 65.000.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 1.904.176.397 | 1.465.149.424 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (108.478.000) | (119.478.000) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 516.571.683 | 533.241.346 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 516.571.683 | 533.241.346 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 50.000.000.000 | 50.594.999.990 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 539.999.990 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.8 | 50.000.000.000 | 50.055.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 110.491.106.544 | 59.734.282.663 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 94.546.346.544 | 57.113.842.663 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 94.546.346.544 | 57.051.342.663 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 134.238.368.064 | 99.213.254.081 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (39.692.021.520) | (42.161.911.418) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | 62.500.000 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 15.944.760.000 | 2.620.440.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.10 | 33.230.879.270 | 20.990.879.270 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.11 | (17.286.119.270) | (18.370.439.270) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 296.723.184.017 | 256.019.446.377 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 40.563.335.672 | 25.742.644.846 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 40.563.335.672 | 25.742.644.846 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | - | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.12 | 21.113.300.886 | 8.657.096.334 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | - | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.13 | 4.539.637.787 | 3.144.089.793 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 5.853.844.486 | 7.045.224.119 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.14 | 5.975.105.535 | 4.877.437.751 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 503.044.243 | 521.292.618 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.16 | 2.578.402.735 | 1.497.504.231 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 256.159.848.345 | 230.276.801.531 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 256.159.848.345 | 230.276.801.531 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.17 | 100.800.000.000 | 100.800.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.17 | 69.222.867.374 | 69.222.867.374 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | V.17 | (3.663.270.042) | (3.355.561.854) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.17 | 43.177.778.793 | 34.863.778.793 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.17 | 6.625.042.694 | 5.469.400.471 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.17 | 39.997.429.526 | 23.276.316.747 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 296.723.184.017 | 256.019.446.377 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số | |
|--|----------------|------------|------------|
| | | cuối năm | đầu năm |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | 86.130.626 | 86.130.626 |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Lê Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

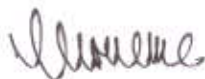
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 159.166.784.846 | 120.086.469.147 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 159.166.784.846 | 120.086.469.147 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 133.548.188.168 | 110.226.992.814 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 25.618.596.678 | 9.859.476.333 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 13.664.790.901 | 18.599.509.285 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | (1.083.577.262) | 6.593.128.561 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 13.031.775.263 | 11.967.890.168 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 27.335.189.578 | 9.897.966.889 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 26.129.476.880 | 20.960.091.819 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 313.194.442 | 71.212.134 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 25.816.282.438 | 20.888.879.685 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 53.151.472.016 | 30.786.846.574 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 13.426.861.904 | 7.674.002.118 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>39.724.610.112</u> | <u>23.112.844.456</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | <u>4.130</u> | <u>2.321</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2013




Lê Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng




Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 53.151.472.016 | 30.786.846.574 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.9 | 10.463.462.881 | 6.186.462.991 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (1.095.320.000) | (3.093.699.207) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (39.465.282.448) | (29.728.312.227) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 23.054.332.449 | 4.151.298.131 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (48.048.416.970) | (12.217.531.474) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 16.669.663 | (85.390.122) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 13.226.599.761 | (462.419.382) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 539.999.990 | (539.999.990) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.13 | (12.900.669.343) | (7.506.519.311) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 25.000.000.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (27.848.909.344) | (51.121.910.300) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (26.960.393.794) | (67.782.472.448) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9 | (48.209.161.204) | (36.603.197.742) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 26.116.454.546 | 20.960.091.819 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (40.740.000.000) | (63.170.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 83.702.000.000 | 104.900.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (556.240.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 6.942.595.812 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 13.662.765.082 | 18.515.760.310 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 34.532.058.424 | 50.989.010.199 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | V.17 | (307.708.188) | (3.104.174.958) |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (9.617.790.000) | (9.917.420.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | <u>(9.925.498.188)</u> | <u>(13.021.594.958)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (2.353.833.558) | (29.815.057.207) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 10.793.438.792 | 40.608.495.999 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>8.439.605.234</u> | <u>10.793.438.792</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Lê Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 192 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 264 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm, Công ty đã tiến hành việc giải thể đội vận tải bộ do hoạt động không hiệu quả theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị tại phiên họp thứ 28 ngày 12 tháng 12 năm 2011. Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ các tài sản liên quan đến hoạt động vận tải bộ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

Tuy nhiên, Thông tư này không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty do trong năm Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5-10 |
| Phương tiện vận tải thủy | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 2-6 |

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập |
|-----------------------------|--|--|
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... | 5% lợi nhuận sau thuế |
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | 70% (lợi nhuận sau thuế - quỹ dự phòng tài chính - chi trả cổ tức) |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 30% (lợi nhuận sau thuế - quỹ dự phòng tài chính - chi trả cổ tức) |

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính khác được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 52.244.710 | 6.666.778 |
| Tiền gửi ngân hàng | 387.360.524 | 5.642.880.514 |
| Các khoản tương đương tiền | 8.000.000.000 | 5.143.891.500 |
| <i>(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)</i> | | |
| Cộng | 8.439.605.234 | 10.793.438.792 |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn | | 646.764 | | 646.764 |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) | 11 | 533.338 | 11 | 533.338 |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB) | 2 | 113.426 | 2 | 113.426 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | 16.128.000.000 | | 71.330.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm | - | - | - | 15.330.000.000 |
| - Ủy thác đầu tư qua Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng | - | 16.128.000.000 | - | 56.000.000.000 |
| Cộng | | 16.128.646.764 | | 71.330.646.764 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------|------------------|------------------|
| Số đầu năm | (364.464) | (10.583.431.641) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | 10.583.067.177 |
| Số cuối năm | <u>(364.464)</u> | <u>(364.464)</u> |

4. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | 101.638.007.970 | 52.882.767.710 |
| Các khách hàng khác | 7.708.911.889 | 8.739.762.152 |
| Cộng | <u>109.346.919.859</u> | <u>61.622.529.862</u> |

5. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| DNTN Lâm Thành - hao hụt vận chuyển clinker | 108.478.000 | 119.478.000 |
| Công ty Bảo hiểm Viễn Đông – bồi thường tổn thất clinker do xả lan X46 bị chìm | 60.160.000 | 377.237.774 |
| Lãi dự thu khoản ký quỹ và ủy thác đầu tư | 1.729.361.779 | - |
| Các khoản phải thu khác | 6.176.618 | 968.433.650 |
| Cộng | <u>1.904.176.397</u> | <u>1.465.149.424</u> |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho khoản phải thu của DNTN Lâm Thành theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị phiên thứ 24 ngày 21 tháng 8 năm 2009.

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 484.828.590 | 519.198.744 |
| Công cụ, dụng cụ | 31.743.093 | 14.042.602 |
| Cộng | <u>516.571.683</u> | <u>533.241.346</u> |

8. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tạm ứng | - | 55.000.000 |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Cộng | <u>50.000.000.000</u> | <u>50.055.000.000</u> |

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư cổ phiếu | 903.600 | 20.990.879.270 | 903.600 | 20.990.879.270 |
| - Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | 903.600 | 20.990.879.270 | 903.600 | 20.990.879.270 |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm | | 12.240.000.000 | - | - |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (18 tháng) | - | 540.000.000 | - | - |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (13 tháng) | - | 11.700.000.000 | - | - |
| Cộng | | 33.230.879.270 | | 20.990.879.270 |

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng cho khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà tiên 1.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số đầu năm | (18.370.439.270) | (10.870.571.300) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (7.499.867.970) |
| Hoàn nhập dự phòng | 1.084.320.000 | - |
| Số cuối năm | (17.286.119.270) | (18.370.439.270) |

12. Phải trả người bán

Khoản phải trả liên quan đến dịch vụ nhận được trong năm.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.478.511.845 | 5.979.252.167 | (5.260.896.734) | 2.196.867.278 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.623.777.948 | 13.426.861.904 | (12.900.669.343) | 2.149.970.509 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 41.800.000 | 825.363.934 | (674.363.934) | 192.800.000 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| Cộng | 3.144.089.793 | 20.234.478.005 | (18.838.930.011) | 4.539.637.787 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 53.151.472.016 | 30.786.846.574 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 556.000.000 | 361.000.000 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (24.400) | (451.838.100) |
| Thu nhập tính thuế | 53.707.447.616 | 30.696.008.474 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>13.426.861.904</u> | <u>7.674.002.118</u> |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí vận chuyển | 5.330.665.461 | 4.153.307.726 |
| Chi phí nhiên liệu | 403.357.500 | 470.773.388 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 39.523.000 | - |
| Chi phí khác | 201.559.574 | 253.356.637 |
| Cộng | <u>5.975.105.535</u> | <u>4.877.437.751</u> |

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 404.174.243 | 412.376.286 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 98.870.000 | 108.916.332 |
| Cộng | <u>503.044.243</u> | <u>521.292.618</u> |

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Tăng khác</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|-----------------------------|---------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 740.751.348 | 2.375.000.000 | 7.000.000 | (1.407.316.366) | 1.715.434.982 |
| Quỹ phúc lợi | 756.752.883 | 1.188.202.233 | 6.000.000 | (1.087.987.363) | 862.967.753 |
| Cộng | <u>1.497.504.231</u> | <u>3.563.202.233</u> | <u>13.000.000</u> | <u>(2.495.303.729)</u> | <u>2.578.402.735</u> |

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

Trong năm 2012, Công ty mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị phiên thứ 28 ngày 12 tháng 12 năm 2011. Theo đó, Hội đồng quản trị quyết định mua thêm 300.060 cổ phiếu quỹ và giao cho Ban Giám đốc chọn thời điểm và giá cả để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | 50.479.700.000 | 50.479.700.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 50.320.300.000 | 50.320.300.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 69.222.867.374 | 69.222.867.374 |
| Cổ phiếu quỹ | <u>(3.663.270.042)</u> | <u>(3.355.561.854)</u> |
| Cộng | <u>166.359.597.332</u> | <u>166.667.305.520</u> |

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 100.800.000.000 VND. Trong đó, phần vốn đầu tư của Nhà nước là 50.479.700.000 VND, chiếm 50,08% do Ông Trần Việt Thắng và Ông Nguyễn Tuấn Anh làm đại diện.

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 9.617.790.000 VND (năm trước là 9.917.420.000 VND).

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.080.000 | 10.080.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.080.000 | 10.080.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.080.000 | 10.080.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 462.210 | 412.210 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 462.210 | 412.210 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.617.790 | 9.667.790 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.617.790 | 9.667.790 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu | 159.166.784.846 | 120.086.469.147 |
| - Doanh thu vận tải thủy | 148.761.297.425 | 106.349.744.664 |
| - Doanh thu vận tải bộ | 10.405.440.085 | 12.937.570.703 |
| - Doanh thu hoạt động khác | 47.336 | 799.153.780 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | <u>159.166.784.846</u> | <u>120.086.469.147</u> |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu vận tải thủy | 148.761.297.425 | 106.349.744.664 |
| - Doanh thu vận tải bộ | 10.405.440.085 | 12.937.570.703 |
| - Doanh thu hoạt động khác | 47.336 | 799.153.780 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 19.921.554.142 | 24.065.494.094 |
| Chi phí nhân công trực tiếp | 23.836.781.569 | 21.326.502.207 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.259.427.248 | 5.949.530.053 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 76.638.558.664 | 53.833.437.656 |
| Chi phí khác | 2.891.866.545 | 5.052.028.804 |
| Cộng | <u>133.548.188.168</u> | <u>110.226.992.814</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 2.025.819 | 83.748.975 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay | 13.662.740.682 | 18.063.922.210 |
| Cổ tức được chia | 24.400 | 451.838.100 |
| Cộng | <u>13.664.790.901</u> | <u>18.599.509.285</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-----------------------------|
| Phí môi giới bán cổ phiếu | - | 13.910.472 |
| Phí chuyển đổi cổ phiếu | 742.738 | - |
| Lỗ bán cổ phiếu đầu tư | - | 9.662.417.296 |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính | (1.084.320.000) | (3.083.199.207) |
| Cộng | <u>(1.083.577.262)</u> | <u>6.593.128.561</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 4.837.982.669 | 5.404.881.400 |
| Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý | 71.502.051 | 83.402.150 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 204.035.633 | 236.932.938 |
| Thuế, phí và lệ phí | 102.672.752 | 93.141.812 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.488.570.823 | 3.780.391.719 |
| Chi phí khác | 5.327.011.335 | 2.369.140.149 |
| Cộng | <u>13.031.775.263</u> | <u>11.967.890.168</u> |

6. Thu nhập khác

Chủ yếu là khoản thu nhập do thanh lý tài sản cố định.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 39.724.610.112 | 23.112.844.456 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 39.724.610.112 | 23.112.844.456 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 9.618.132 | 9.958.845 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>4.130</u> | <u>2.321</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 9.667.790 | 10.057.090 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | (49.658) | (98.245) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 9.618.132 | 9.958.845 |

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 19.993.056.193 | 24.148.896.244 |
| Chi phí nhân công | 28.674.764.238 | 26.731.383.607 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.463.462.881 | 6.186.462.991 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 79.127.129.487 | 57.613.829.375 |
| Chi phí khác | 8.321.550.632 | 7.514.310.765 |
| Cộng | 146.579.963.431 | 122.194.882.982 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương | 1.659.000.000 | 993.299.157 |
| Thưởng | 660.461.753 | 55.953.805 |
| Thù lao | 528.000.000 | 323.000.000 |
| Cộng | 2.847.461.753 | 1.372.252.962 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng

Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | | |
| Phí tư vấn phải trả | 79.576.311 | - |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | | |
| Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 145.848.883.522 | 105.643.749.380 |
| Cung cấp dịch vụ cho thuê kho | - | 370.912.800 |
| Chi phí phạt do sà lan bị chìm | - | 338.767.000 |
| Ký quỹ thực hiện hợp đồng | 25.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Lãi từ khoản ký quỹ thực hiện hợp đồng | 7.920.208.334 | 2.155.222.223 |
| Mua sà lan | - | 1.000.000.000 |
| Chi phí điện nước | 199.520.710 | 278.143.456 |
| Mua dầu DO | - | 1.145.865.056 |
| Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng Việt Nam | | |
| Ủy thác đầu tư (lãi nhập vốn) | 128.000.000 | 42.000.000.000 |
| Lãi từ khoản ủy thác đầu tư | 2.504.097.889 | 10.425.915.347 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng | | |
| Chi phí quảng cáo | 500.000.000 | - |
| Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | | |
| Phải thu về dịch vụ đã cung cấp | 101.638.007.970 | 52.882.767.710 |
| Tiền ký quỹ thực hiện hợp đồng | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Lãi từ khoản ký quỹ thực hiện hợp đồng | 1.277.777.779 | - |
| Công ty Cổ phần tài chính Xi măng Việt Nam | | |
| Ủy thác đầu tư | 16.128.000.000 | 56.000.000.000 |
| Lãi từ khoản ủy thác đầu tư | 451.584.000 | - |
| Cộng nợ phải thu | <u>169.495.369.749</u> | <u>158.882.767.710</u> |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | | |
| Chi phí điện nước | 15.632.249 | - |
| Cộng nợ phải trả | <u>15.632.249</u> | <u>-</u> |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ vận tải đường thủy.
- Dịch vụ vận tải đường bộ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 3 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và khoản cho vay

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (bên liên quan) với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chiếm 93% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chiếm 86%).

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty có liên quan vay tiền. Công ty này có uy tín và có khả năng thanh toán tốt do vậy rủi ro tín dụng liên quan đến khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|--|--|---|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.439.605.234 | - | 8.439.605.234 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 12.240.000.000 | - | 12.240.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 109.346.919.859 | - | 109.346.919.859 |
| Các khoản cho vay | 16.128.000.000 | - | 16.128.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 51.795.698.397 | 108.478.000 | 51.904.176.397 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | 20.991.526.034 | 20.991.526.034 |
| Cộng | 197.950.223.490 | 21.100.004.034 | 219.050.227.524 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.793.438.792 | - | 10.793.438.792 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 15.330.000.000 | - | 15.330.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 61.622.529.862 | - | 61.622.529.862 |
| Các khoản cho vay | 56.000.000.000 | - | 56.000.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 51.345.671.424 | 119.478.000 | 51.465.149.424 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | 20.991.526.034 | 20.991.526.034 |
| Cộng | 195.091.640.078 | 21.111.004.034 | 216.202.644.112 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh là từ 1 năm trở xuống.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro về giá chứng khoán, là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá chứng khoán trên thị trường.

49815-C
CÔNG TY
TIÊM HỮU H
N VÀ TƯ V
& C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính được trình bày ở Phụ lục 4 đính kèm.

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả người bán | 21.113.300.886 | 8.657.096.334 | 21.113.300.886 | 8.657.096.334 |
| Các khoản phải trả khác | 6.073.975.535 | 12.042.805.370 | 6.073.975.535 | 12.042.805.370 |
| Cộng | 27.187.276.421 | 20.699.901.704 | 27.187.276.421 | 20.699.901.704 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

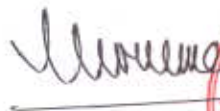
Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2013



Lê Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Đơn vị tính: VND | | | | |
|---------------------------------------|------------------|------------------------|--------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| | | Nhà cửa, vật kiến trúc | Phương tiện vận tải đường thủy | Phương tiện vận tải đường bộ | Thiết bị, dụng cụ quản lý |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | | 2.342.306.294 | 89.273.335.657 | 5.595.361.463 | 2.002.250.667 |
| Tăng trong năm | | - | 48.164.461.204 | - | 107.200.000 |
| Mua sắm mới | | - | 48.101.961.204 | - | 107.200.000 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | | - | 62.500.000 | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | | - | (7.546.669.706) | (5.595.361.463) | (104.516.052) |
| Số cuối năm | | 2.342.306.294 | 129.891.127.155 | - | 2.004.934.615 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | 2.342.306.294 | 12.136.946.955 | - | 1.307.785.073 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | | 2.342.306.294 | 32.837.555.617 | 5.282.167.021 | 1.699.882.486 |
| Khấu hao trong năm | | - | 10.259.427.248 | - | 204.035.633 |
| Thanh lý, nhượng bán | | - | (7.546.669.706) | (5.282.167.021) | (104.516.052) |
| Số cuối năm | | 2.342.306.294 | 35.550.313.159 | - | 1.799.402.067 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | | - | 56.435.780.040 | 313.194.442 | 302.368.181 |
| Số cuối năm | | - | 94.340.813.996 | - | 205.532.548 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | | - | 3.997.566.489 | - | - |

Nguyễn

Lê Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

Trần Minh Huy

Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7 đường Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 2: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

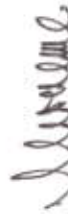
Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 100.800.000.000 | 69.222.867.374 | (251.386.896) | 30.763.178.793 | 4.631.764.132 | 16.776.529.063 | 221.942.952.466 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | 23.112.844.456 | 23.112.844.456 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | - | 4.100.600.000 | 837.636.339 | (6.695.636.772) | (1.757.400.433) |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành | - | - | (3.104.174.958) | - | - | - | (3.104.174.958) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | - | - | - | (9.917.420.000) | (9.917.420.000) |
| Số dư cuối năm trước | 100.800.000.000 | 69.222.867.374 | (3.355.561.854) | 34.863.778.793 | 5.469.400.471 | 23.276.316.747 | 230.276.801.531 |
| Số dư đầu năm nay | 100.800.000.000 | 69.222.867.374 | (3.355.561.854) | 34.863.778.793 | 5.469.400.471 | 23.276.316.747 | 230.276.801.531 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | - | 39.724.610.112 | 39.724.610.112 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | - | - | - | 8.314.000.000 | 1.155.642.223 | (13.032.844.456) | (3.563.202.233) |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành | - | - | (307.708.188) | - | - | - | (307.708.188) |
| Chia cổ tức trong năm nay | - | - | - | - | - | (9.617.790.000) | (9.617.790.000) |
| Chi khác | - | - | - | - | - | (352.862.877) | (352.862.877) |
| Số dư cuối năm | 100.800.000.000 | 69.222.867.374 | (3.663.270.042) | 43.177.778.793 | 6.625.042.694 | 39.997.429.526 | 256.159.848.345 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2013



Lê Thị Ngọc Diệp
 Người lập biểu



Trần Minh Huy
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7, Đường Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 3: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Năm nay | Dịch vụ vận tải đường bộ | Dịch vụ vận tải đường thủy | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|--------------------------|----------------------------|--------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 10.405.440.085 | 148.761.297.425 | 47.336 | 159.166.784.846 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10.405.440.085 | 148.761.297.425 | 47.336 | 159.166.784.846 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 2.345.505.871 | 23.273.080.137 | 10.670 | 25.618.596.678 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (13.031.775.263) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 12.586.821.415 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 13.664.790.901 |
| Chi phí tài chính | | | | 1.083.577.262 |
| Thu nhập khác | | | | 26.129.476.880 |
| Chi phí khác | | | | (313.194.442) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (13.426.861.904) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 39.724.610.112 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 48.164.461.204 | 107.200.000 | 48.271.661.204 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | - | 10.259.427.248 | 204.035.633 | 10.463.462.881 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7, Đường Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 3: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| | Dịch vụ vận tải đường bộ | Dịch vụ vận tải đường thủy | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|--------------------------|----------------------------|--------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 12.937.570.703 | 106.349.744.664 | 799.153.780 | 120.086.469.147 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 12.937.570.703 | 106.349.744.664 | 799.153.780 | 120.086.469.147 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 1.531.422.944 | 8.222.990.804 | 105.062.585 | 9.859.476.333 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (11.967.890.168) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | (2.108.413.835) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 18.599.509.285 |
| Chi phí tài chính | | | | (6.593.128.561) |
| Thu nhập khác | | | | 20.960.091.819 |
| Chi phí khác | | | | (71.212.134) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (7.674.002.118) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 23.112.844.456 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 36.550.098.672 | 53.099.070 | 36.603.197.742 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 169.444.474 | 5.758.522.398 | 258.496.119 | 6.186.462.991 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2013



Trần Minh Huy

Trần Minh Huy
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Diệp

Lê Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Km số 7, Đường Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 4: Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Dự phòng | Giá gốc | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.439.605.234 | - | - | 10.793.438.792 | 8.439.605.234 | 10.793.438.792 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 12.240.000.000 | - | - | 15.330.000.000 | 12.240.000.000 | 15.330.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 109.346.919.859 | - | - | 61.622.529.862 | 109.346.919.859 | 61.622.529.862 |
| Các khoản cho vay | 16.128.000.000 | - | - | 56.000.000.000 | 16.128.000.000 | 56.000.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 51.904.176.397 | (108.478.000) | (108.478.000) | 51.465.149.424 | 51.795.698.397 | 51.345.671.424 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 20.991.526.034 | (17.286.483.734) | (17.286.483.734) | 20.991.526.034 | 3.705.042.300 | 2.620.722.300 |
| Cộng | 219.050.227.524 | (17.394.961.734) | (17.394.961.734) | 216.202.644.112 | 201.655.265.790 | 197.712.362.378 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2013



Trần Minh Huy
Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu

